HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **PHƯỜNG HIỆP THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/NQ-HĐND	*Hiệp Thành, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Hiệp Thành

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Xét Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Hiệp Thành về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Hiệp Thành; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-BVHXH ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã hội phường và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Hiệp Thành.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Hiệp Thành, gồm: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường, Quyết định của Ủy ban nhân dân phường theo điểm b và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ hoặc phân công tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn phường Hiệp Thành.

Điều 3. Tổng định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi đối với văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế.

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường là 10.000.000 đồng/văn bản.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân phường là 8.000.000 đồng/văn bản.

2. Định mức khoán chi đối với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung.

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 60% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 30% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường, quyết định của Ủy ban nhân dân phường.

a) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân phường ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này;

d) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này;

đ) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần và bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường thực hiện định mức khoán chi quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều này do các Ban của Hội đồng

nhân dân phường trình, không thực hiện thẩm định thì định mức khoán chi từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng với tỷ lệ như sau: soạn thảo văn bản 55%; tổng hợp, rà soát hồ sơ trình 10%; thẩm tra 25%, thông qua 10%.

3. Người đứng đầu các phòng chuyên môn, đơn vị: chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định; cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành, cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này để quyết định mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm cụ thể do đơn vị mình thực hiện.

Điều 5. Lập dự toán, quyết toán và kinh phí thực hiện

1. Hằng năm, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường chủ trì lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Việc thanh, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 4 Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

3. Nguồn kinh phí khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của phường do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành, được bố trí trong dự toán hàng năm.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 10 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Hiệp Thành khóa II, Kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Ủy ban nhân dân phường;
- Ủy ban MTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D PHƯỜNG HIỆP THÀNH T.CÀ MAU

Trần Minh Hải

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Hiệp Thành)

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000

Phụ lục III

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 01 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**	**100%**	**6.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	3.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	600.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	600.000
4	Thẩm tra	20%	1.200.000
5	Thông qua	10%	600.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG**	**100%**	**4.800.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	3.360.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	720.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	720.000

Phụ lục IV

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 02 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRỞ LÊN

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**	**100%**	**10.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG**	**100%**	**8.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000

Phụ lục V

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ MỘT PHẦN HOẶC BÃI BỎ TOÀN BỘ

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoán chi
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG**	**100%**	**3.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	1.500.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	300.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	300.000
4	Thẩm tra	20%	600.000
5	Thông qua	10%	300.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG**	**100%**	**2.400.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	1.680.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	360.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	360.000